TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2022/DS-ST
Ngày: 21 - 9 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Trần Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-DS ngày 19/01/2021, về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Đường X, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị A.

Cùng địa chỉ: Đường Y, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Đ.

Địa chỉ: Đường X, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 15/06/2019, bà Nguyễn Thị H có cho ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị A vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trong thời hạn 06 (sáu) tháng từ ngày 15/06/2019 đến ngày 15/12/2019 có thế chấp sổ hồng căn nhà

Đường X, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM525803, số vào sổ cấp GCN: CS00587 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2019 do bà bà Trần Thị Đ, là mẹ ruột của ông U và bà A đứng tên chủ sở hữu. Hai bên có lập Giấy vay mượn có thế chấp ngày 15/6/2019.

Đến ngày 17/08/2019, ông Trần Văn U tiếp tục vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hẹn đến 15/12/2019 sẽ trả dứt điểm cả hai khoản nợ. Ông U có viết xác nhận việc nhận thêm 50.000.000 đồng vào mặt sau của giấy vay mượn ngày 15/6/2019. Như vậy sau hai lần vay tiền, ông U và bà A đã vay của bà H số tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn trả nợ là đến 15/12/2019.

Đến nay đã hết thời hạn vay từ lâu nhưng ông U và bà A vẫn không trả lại số tiền đã vay cho bà H. Bà H nhiều lần đến nhà yêu cầu bà A và ông U cùng có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên nhưng cả hai liên tục tránh né, không trả tiền cho bà H.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2020, bà H đã đề nghị xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị A cùng phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nay bà H xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Bà H chỉ yêu cầu ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu bà A trả nợ. Về việc trả lãi, tại đơn khởi kiện bà H có yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 16/12/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Như vậy số tiền lãi mà ông U phải trả cho bà H theo quy định của pháp luật (lãi suất 10%/năm) là: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 9 tháng 5 ngày (từ ngày 16/12/2019 đến 21/9/2022) là 41.457.500 đồng. Nhưng do quá trình vay tiền, ông U đã thanh toán được cho bà H số tiền lãi là 24.000.000 đồng nên nay bà H không yêu cầu ông U phải trả số tiền lãi còn lại, không yêu cầu ông U tiếp tục trả lãi.

Về việc thế chấp sổ hồng căn nhà Đường X, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM525803, số vào sổ cấp GCN: CS00587 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2019 (do bà Trần Thị Đ, là mẹ ruột của ông U và bà A đứng tên chủ sở hữu) do tin tưởng nên bà H và ông U, bà A, bà Đ không ký hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm với cơ quan nhà nước mà chỉ viết giấy tay, ông U, bà A, bà Đ có giao cho bà H giữ bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

Nay bà H chỉ đồng ý trả lại Giấy chứng nhận này cho bà Đ khi nào mà ông U trả hết tiền cho bà H.

Việc ông U trình bày tại bản tự khai ngày 22/4/2021 là có đóng tiền lãi cho bà H số tiền 4.000.000 đồng/tháng, đóng được 16 tháng là hoàn toàn không đúng sự thật.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2021 bị đơn ông Trần Văn U trình bày:

Ông Trần Văn U xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng, đây là số tiền vay của cá nhân ông U chứ không liên quan đến bà Nguyễn Thị A, ông U là người nhận tiền chứ bà A không nhận tiền từ bà H, bà A biết nhà bà H nên đưa ông U qua gặp bà H.

Ông U trình bày đã đóng tiền lãi cho bà H số tiền 4.000.000 đồng/tháng, đóng được 16 tháng thì không còn khả năng đóng nữa.

Nay do điều kiện khó khăn, đi làm phụ hồ, nên nếu đi làm có dư thì sẽ trả góp dần cho bà H số tiền còn nợ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ đã được tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện Trần Văn U có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (theo giấy vay mượn ngày 15/6/2019 và ngày 17/8/2019).

Về việc trả lãi, tại đơn khởi kiện bà H có yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 16/12/2019 đến ngày xét xử là 21/9/2022 theo quy định của pháp luật (lãi suất 10%/năm) là: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 9 tháng 5 ngày (từ ngày 16/12/2019 đến 21/9/2022) là 41.457.500 đồng. Nhưng do quá trình vay tiền, ông U đã thanh toán được cho bà H số tiền lãi là 24.000.000 đồng nên nay bà H không yêu cầu ông U phải trả số tiền lãi còn lại, không yêu cầu ông U tiếp tục trả lãi.

Đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM525803, số vào sổ cấp GCN: CS00587 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2019 (do bà bà Trần Thị Đ, là mẹ ruột của ông U và bà A đứng tên chủ sở hữu) thì bà H chỉ đồng ý trả lại cho bà Đ khi nào ông U trả hết nợ.

Bị đơn là ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định; Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào xác minh của Công an Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị A có địa chỉ thường trú tại Đường X, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã vắng mặt khỏi địa phương từ 01/2022, không rõ đi đâu, ở đâu, không khai báo.

Do đó căn cứ theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị A, bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả nợ. Tại bản tự khai tại Tòa án, bị đơn là ông Trần Văn U cũng xác nhận việc chỉ có ông U vay tiền và nhận tiền từ Nguyễn Thị H, còn bà Nguyễn Thị A không vay tiền, không nhận tiền từ bà H. Xét thấy, việc nguyên đơn thay yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn U thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng theo giấy vay mượn ngày 15/6/2019, số tiền 100.000.000 đồng, và ngày 17/8/2019, số tiền 50.000.000 đồng. Xét tại bản tự khai ngày 22/4/2021, ông Trần Văn U thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giao dịch dân sự về vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn U là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Xét nội dung giấy vay mượn thể hiện các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là ngày 15/12/2019, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, việc ông Trần

Văn U không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn U phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về việc trả lãi, xét tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà H có yêu cầu tính lãi từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 16/12/2019) đến thời điểm xét xử (ngày 21/9/2022) theo quy định của pháp luật (lãi suất 10%/năm) là 150.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 9 tháng 5 ngày (từ ngày 16/12/2019 đến 21/9/2022) là 41.457.500 đồng. Nhưng do quá trình vay tiền, bà H xác định ông U đã thanh toán cho bà H số tiền lãi là 24.000.000 đồng nên nay bà H không yêu cầu ông U phải trả số tiền lãi còn lại, không yêu cầu ông U tiếp tục trả lãi. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn là ông Trần Văn U trình bày trong bản tự khai là có đóng tiền cho bà H số tiền 4.000.000 đồng/tháng, đóng được 16 tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đóng tiền, bà H không thừa nhận việc đóng tiền của ông U nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông U.

[4]. Xét yêu cầu của ông Trần Văn U xin trả góp dần số tiền còn nợ nhưng bà Nguyễn Thị H không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[5]. Xét bà Nguyễn Thị H xác định số tiền cho ông Trần Văn U mượn là tài sản cá nhân, không liên quan đến người khác và chỉ yêu cầu một mình ông U phải trả tiền mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng trả tiền. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên buộc ông U có trách nhiệm trả nợ cho bà H mà không xác định thêm người nào liên đới.

[6]. Xét việc bà Nguyễn Thị H cho rằng khi vay tiền ông U có thế chấp sổ hồng căn nhà Đường X, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM525803, số vào sổ cấp GCN: CS00587 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2019 (do bà bà Trần Thị Đ, là mẹ ruột của ông U và bà A đứng tên chủ sở hữu) tuy nhiên các bên không công chứng chứng thực, không đăng ký giao dịch bảo đảm là không tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật quy định về đăng ký việc thế chấp quyền sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 để tuyên bố giao dịch thế chấp giữa các bên là vô hiệu. Việc bà Nguyễn Thị H cho rằng khi nào ông U trả hết nợ mới trả lại bản chính giấy chứng nhận là không có cơ sở để xem xét. Xét thấy hiện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H đang lưu giữ bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM525803, số vào sổ cấp GCN: CS00587 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2019 nên cần buộc bà H phải giao nộp lại chủ sở hữu là bà Trần Thị Đ khi bản án có hiệu lực pháp luật có cơ sở.

[7]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, bị đơn là ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.500.000 đồng.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM525803, số vào sổ cấp GCN: CS00587 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2019 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0044868 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Quân